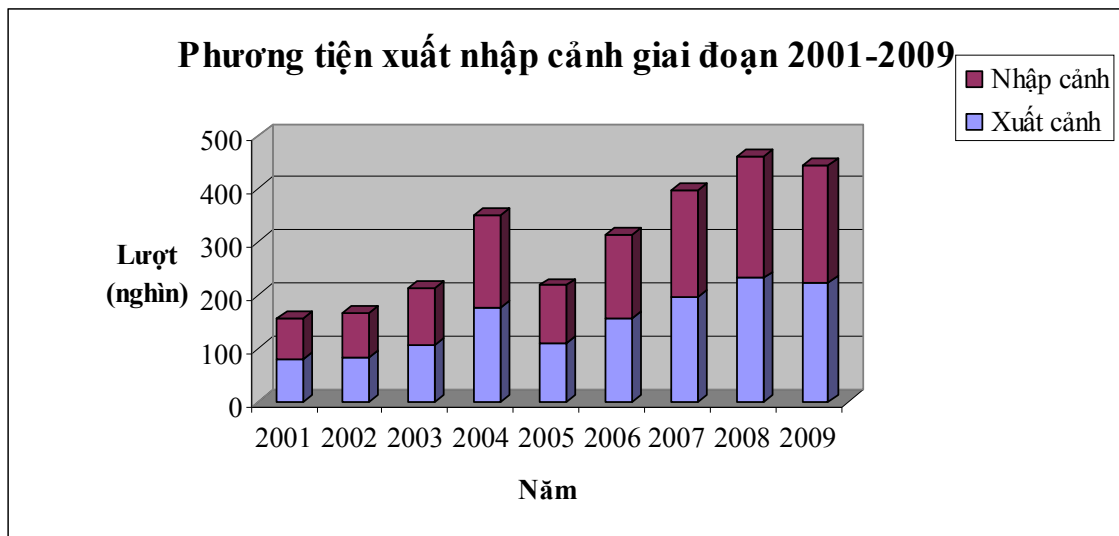


## Phụ lục số liệu kết quả thực hiện thủ tục hải quan giai đoạn 2001-2009

**Phương tiện Xuất nhập cảnh giai đoạn 2001-2009**  
(nghìn lượt)

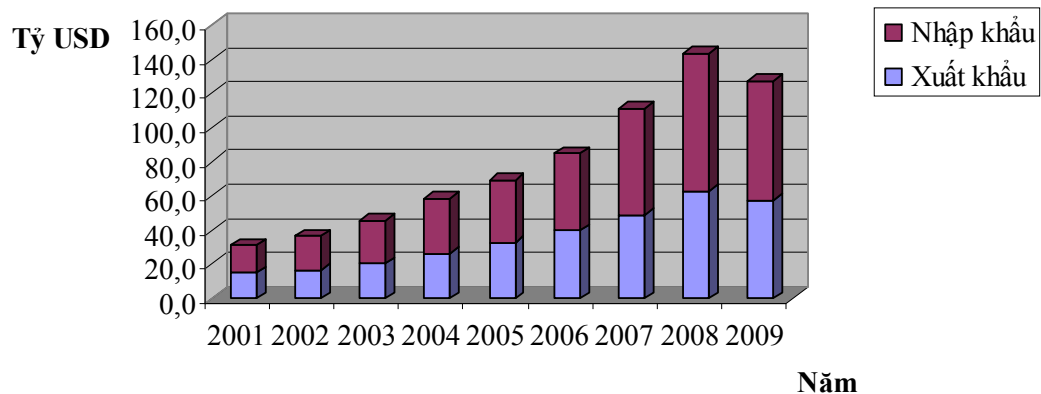
<b>Năm</b>	<b>Xuất cảnh</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Nhập cảnh</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Tổng cộng</b>
2001	78	50,06%	78	49,94%	<b>156</b>
2002	82	49,03%	85	50,97%	<b>167</b>
2003	107	50,32%	106	49,68%	<b>213</b>
2004	176	50,03%	175	49,97%	<b>351</b>
2005	111	50,66%	108	49,34%	<b>218</b>
2006	156	49,67%	158	50,33%	<b>314</b>
2007	196	49,12%	203	50,88%	<b>398</b>
2008	232	50,21%	230	49,79%	<b>462</b>
2009	223	50,17%	222	49,83%	<b>445</b>



### Kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2001 - 2009

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Tổng kim ngạch (tỷ USD)
	Kim ngạch (tỷ USD)	Tỷ lệ (%)	Kim ngạch (Tỷ USD)	Tỷ lệ (%)	
2001	15,0	48,2	16,2	51,8	<b>31,2</b>
2002	16,7	45,8	19,7	54,2	<b>36,4</b>
2003	20,2	44,4	25,2	55,6	<b>45,4</b>
2004	26,5	45,3	32,0	54,7	<b>58,5</b>
2005	32,4	46,7	37,0	53,3	<b>69,4</b>
2006	39,8	47,0	44,9	53,0	<b>84,7</b>
2007	48,6	43,7	62,7	56,3	<b>111,2</b>
2008	62,7	43,7	80,7	56,3	<b>143,4</b>
2009	57,1	44,9	69,9	55,1	<b>127,0</b>

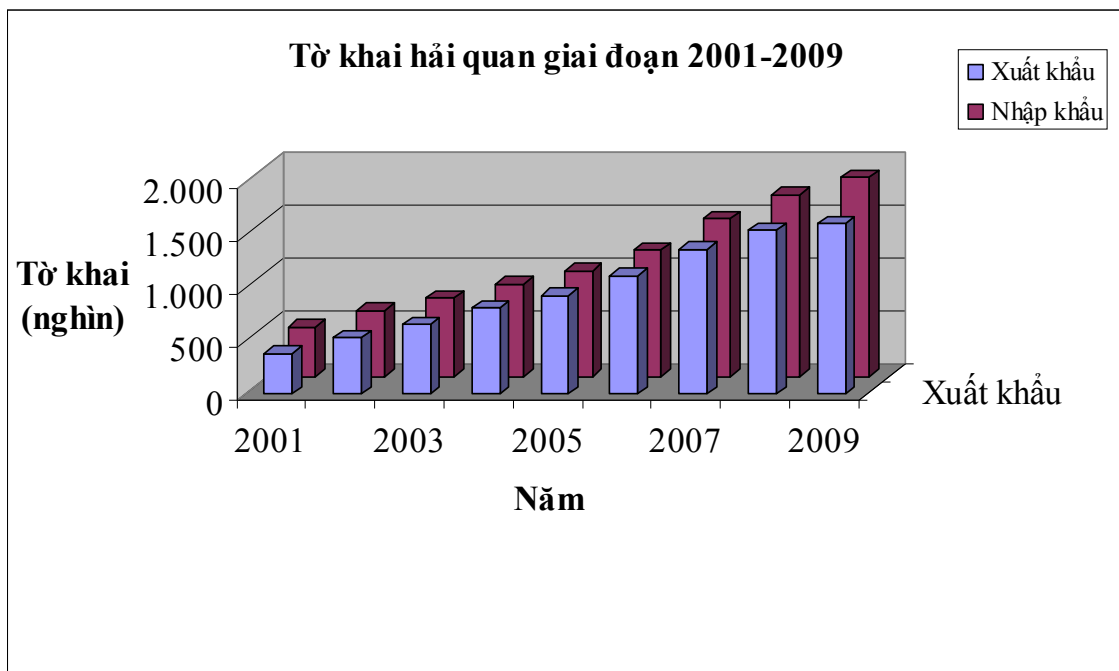
### Kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2001-2009



### Số lượng tờ khai hải quan giai đoạn 2001-2009

Đơn vị: nghìn tờ

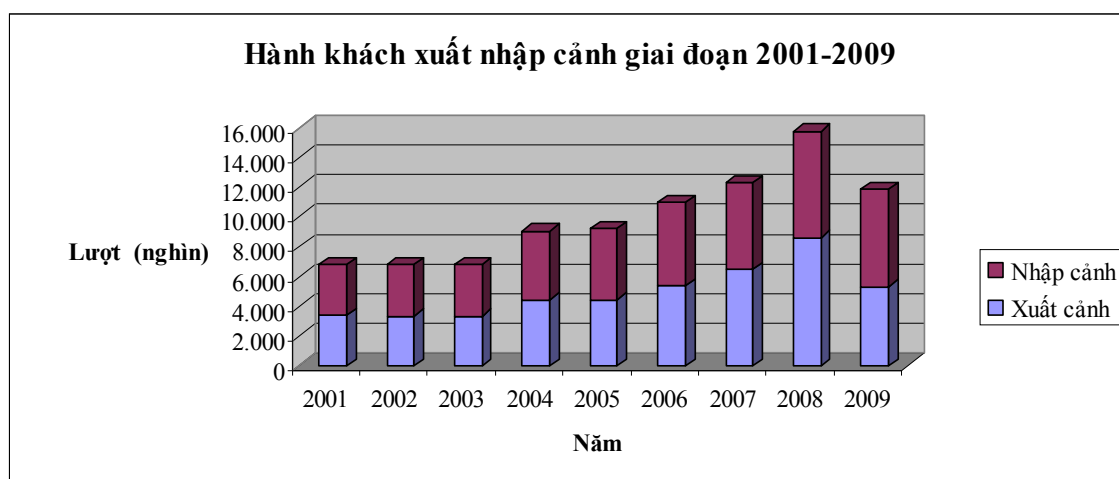
Năm	Xuất khẩu	Tỷ lệ (%)	Nhập khẩu	Tỷ lệ (%)	Tổng cộng
2001	390	45,37%	469	54,63%	<b>859</b>
2002	538	46,25%	625	53,75%	<b>1.164</b>
2003	657	46,96%	742	53,04%	<b>1.399</b>
2004	819	48,29%	877	51,71%	<b>1.696</b>
2005	938	48,36%	1.002	51,64%	<b>1.940</b>
2006	1.124	48,47%	1.195	51,53%	<b>2.320</b>
2007	1.376	47,93%	1.495	52,07%	<b>2.870</b>
2008	1.560	47,52%	1.723	52,48%	<b>3.283</b>
2009	1.620	46,13%	1.892	53,87%	<b>3.512</b>



### Hành khách xuất nhập cảnh giai đoạn 2001-2009

Đơn vị: nghìn (lượt)

Năm	Xuất cảnh	Tỷ lệ (%)	Nhập cảnh	Tỷ lệ (%)	Tổng cộng
2001	3.358	49,51%	3.424	50,49%	<b>6.782</b>
2002	3.313	48,58%	3.507	51,42%	<b>6.820</b>
2003	3.310	48,56%	3.507	51,44%	<b>6.817</b>
2004	4.433	48,98%	4.618	51,02%	<b>9.051</b>
2005	4.425	48,11%	4.772	51,89%	<b>9.197</b>
2006	5.357	48,81%	5.618	51,19%	<b>10.974</b>
2007	6.462	52,57%	5.830	47,43%	<b>12.293</b>
2008	8.600	54,57%	7.161	45,43%	<b>15.761</b>
2009	5.304	44,81%	6.532	55,19%	<b>11.836</b>



## **Kết quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử**

(Đến hết tháng 6/2010)

- Số lượng các Cục hải quan đã triển khai: 10.
- Số lượng các Chi cục đã triển khai: 30. Trong đó có 3 Cục hải quan đã triển khai thủ tục hải quan điện tử tại 100% các Chi cục.
- Số lượng các doanh nghiệp tham gia thực hiện thủ tục hải quan điện tử: 1.111 doanh nghiệp, chiếm tỉ lệ 2,63% số lượng doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan trên địa bàn.
- Số lượng tờ khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử: 73.160, chiếm tỉ lệ 4,1% lượng tờ khai trên địa bàn.
- Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 13.645 triệu USD, chiếm tỉ lệ 16,38% kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn.
- Tỉ lệ phân luồng: Xanh 40,63%; Vàng 43,26% (trong đó chủ yếu là vàng điện tử); Đỏ 6,11%.
- Thời gian thông quan trung bình: qua báo cáo của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đối với luồng xanh từ 3-15 phút; luồng vàng điện tử từ 10-20 phút; luồng vàng giấy từ 10-60 phút; luồng đỏ phụ thuộc thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa.
- Số lượng loại hình thực hiện: 03 (bao gồm: kinh doanh, gia công, sản xuất xuất khẩu).

## Kết quả công tác thu thuế

### Công tác thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2001-2009

*Đơn vị: tỷ đồng*

Năm	Số thu thuế	Nợ thuế quá hạn		
		Thời điểm nợ thuế quá hạn	Số tiền	Tỷ lệ (%)
2001	29.619	31/12/2001	5.432	18,34%
2002	37.221	31/12/2002	4.709	12,65%
2003	39.224	31/12/2003	3.524	8,98%
2004	46.032	31/12/2004	3.198	6,95%
2005	53.136	31/12/2005	3.484	6,56%
2006	61.040	31/12/2006	4.868	7,98%
2007	85.080	31/12/2007	4.258	5,00%
2008	125.163	31/12/2008	4.147	3,31%
2009	143.853	31/12/2009	5.379	3,74%
2010*	84.209	31/05/2010	5.981	7,10%

\* Hết tháng 6/2010

**Kết quả thực hiện công tác chống buôn lậu  
giai đoạn 2001-2009**

**Số liệu các vụ vi phạm và khởi tố hình sự giai đoạn 2001-  
2009**

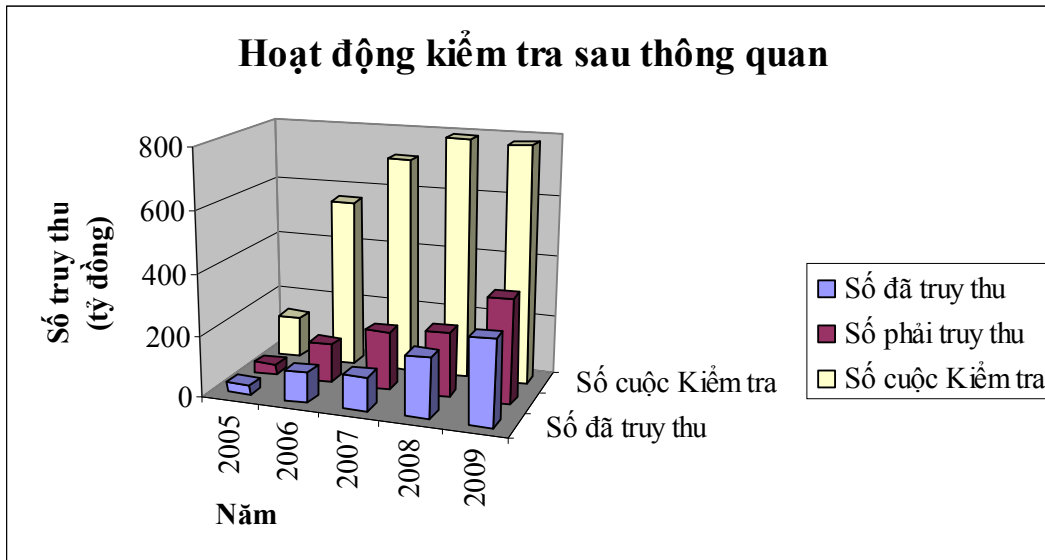
<b>Năm</b>	<b>Số vụ</b>	<b>Trị giá (tỷ đồng)</b>	<b>Số vụ xử lý hình sự</b>
2001	8.603	173,5	44
2002	7.319	130	30
2003	13.050	912,3	49
2004	11.327	405	50
2005	13.074	591,6	39
2006	12.138	4587,7	40
2007	13.811	425,7	40
2008	14.719	289,9	31
2009	13.108	481,8	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>107.149</b>	<b>7997,5</b>	<b>323</b>

## Kết quả hoạt động kiểm tra sau thông quan

### Hoạt động kiểm tra sau thông quan

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	Số cuộc Kiểm tra	Số phải truy thu	Số đã truy thu
2005	139	35,68	32,58
2006	559	127,2	98,48
2007	714	191,75	110,56
2008	793	212,33	196,86
2009	783	344,55	277,25





## **Tổ chức bộ máy ngành Hải quan**

- Tổ chức ngành Hải quan chia làm 03 cấp: cấp Tổng cục, Cục và Chi cục.
- Cấp Tổng cục: có 11 đơn vị Cục, Vụ và tương đương; 4 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục; 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Cục chức năng của Tổng cục Hải quan;
- Cấp Cục có 33 Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố;
- Cấp Chi cục bao gồm: 160 Chi cục Hải quan Cửa khẩu và tương đương (bao gồm: Cửa khẩu Cảng biển, Cửa khẩu đường sông quốc tế, Sân bay quốc tế, Cửa khẩu đường bộ, Hải quan Bưu điện, điểm thông quan nội địa...); 33 Chi cục Kiểm tra sau thông quan; 35 Đội Kiểm soát hải quan và 12 Đội Kiểm soát ma túy thuộc các Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố; 03 Đội Kiểm soát hải quan, 01 Đội Kiểm soát ma túy và 03 Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu.